

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 9 năm 2018	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	13 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800408245, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 21 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ, thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
- Điện thoại : 02633 520 290
- Fax : 02633 825 291

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông sản thực phẩm;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại, đầu tư tài chính;
- Trồng và sản xuất các loại cây nông sản.
- Kinh doanh thiết bị máy móc chuyên dùng để chế biến thực phẩm và sản phẩm của doanh nghiệp;
- Điều hành tua du lịch;
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Đỗ Thành Trung	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Ông Nghiêm Văn Thắng	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Bà Doãn Thị Thu Hương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Việt	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Ông Milan Novosad	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Phạm Thu Hiền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Anh Xuân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đỗ Thành Trung	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Hữu Thụy	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018
Bà Phan Thị Cúc Hương	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2017
Ông Phan Anh Tú	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Thành Trung	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Hữu Thụy	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 của Tập đoàn.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 19 tháng 11 năm 2018, từ trang 6 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Nha Trang



Phan Thị Ngọc Trâm

Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0979-2018-008-1

Nha Trang, ngày 26 tháng 11 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		181.944.476.363	206.773.461.242
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.043.455.593	36.137.005.714
1. Tiền	111		16.043.455.593	26.137.005.714
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.156.593.597	41.098.969.313
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	27.273.255.412	24.749.068.496
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	6.487.779.295	15.765.431.053
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	415.358.890	584.469.764
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(19.800.000)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		129.179.939.102	128.155.302.656
1. Hàng tồn kho	141	V.5	130.188.897.859	128.155.302.656
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.5	(1.008.958.757)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.564.488.071	1.382.183.559
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	112.731.798	43.839.182
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.911.646.292	1.260.376.318
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	540.109.981	77.968.059
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		57.308.624.662	56.540.705.229
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.500.000	183.050.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	16.500.000	183.050.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		39.205.513.868	40.408.920.817
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	39.107.115.743	40.296.465.817
- Nguyên giá	222		98.408.471.236	98.212.288.028
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.301.355.493)	(57.915.822.211)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	98.398.125	112.455.000
- Nguyên giá	228		281.137.500	281.137.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(182.739.375)	(168.682.500)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		16.943.241.406	14.409.351.796
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	16.943.241.406	14.409.351.796
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.143.369.388	1.539.382.616
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	1.143.369.388	1.539.382.616
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		239.253.101.025	263.314.166.471

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		62.458.408.278	75.031.833.152
I. Nợ ngắn hạn	310		61.888.408.278	74.266.833.152
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	10.438.077.900	4.420.636.215
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	4.810.826.067	595.676.053
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	2.471.225.208	5.662.603.410
4. Phải trả người lao động	314	V.13	1.878.815.716	5.844.231.772
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	2.226.437	11.240.409
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	15.389.484.600	608.935.662
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a,c	26.552.668.382	56.776.925.663
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	345.083.968	346.583.968
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		570.000.000	765.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b,c	570.000.000	765.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		176.794.692.747	188.282.333.319
I. Vốn chủ sở hữu	410		176.794.692.747	188.282.333.319
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	146.571.500.000	146.571.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		146.571.500.000	146.571.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	9.933.986.561	9.933.986.561
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	20.289.206.186	31.776.846.758
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		17.119.696.758	31.776.846.758
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.169.509.428	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		239.253.101.025	263.314.166.471

Lâm Đồng, ngày 19 tháng 11 năm 2018


Phan Anh Tú
Người lập

Phan Anh Tú
Kế toán trưởngĐỗ Thành Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	240.965.797.631	365.951.655.538
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.130.175.575	3.930.538.752
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		237.835.622.056	362.021.116.786
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	231.316.267.364	343.166.896.720
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.519.354.692	18.854.220.066
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	399.773.750	865.282.682
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	906.537.959	1.821.170.419
Trong đó: chi phí lãi vay	23		504.070.677	1.891.548.151
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	2.618.524.609	3.238.177.409
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	907.136.716	3.992.905.860
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.486.929.158	10.667.249.060
12. Thu nhập khác	31	VI.8	2.279.230.522	271.976.389
13. Chi phí khác	32	VI.9	121.024.872	252.138.946
14. Lợi nhuận khác	40		2.158.205.650	19.837.443
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.645.134.808	10.687.086.503
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	1.475.625.380	1.846.908.204
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>3.169.509.428</u>	<u>8.840.178.299</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>3.169.509.428</u>	<u>8.840.178.299</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>216</u>	<u>603</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>216</u>	<u>603</u>

Lâm Đồng, ngày 19 tháng 11 năm 2018


Phan Anh Tú
Người lập

Phan Anh Tú
Kế toán trưởngĐỗ Thành Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	97.916.820	237.558.300
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.945.538.773	25.899.447.414
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	-	10.000.000.000
Cộng	<u>16.043.455.593</u>	<u>36.137.005.714</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>27.273.255.412</i>	<i>24.749.068.496</i>
Công ty TNHH MTV Ladofoods	12.076.358.553	10.828.202.350
Công ty TNHH W.E.I Việt Nam	-	8.308.777.151
Barrowlane and Ballard Ltd	-	3.736.617.500
Red River Foods Inc	6.108.375.000	-
Sansho Trading Co, Inc	3.302.775.000	-
American Cashew Company LLC	3.262.000.000	-
Các khách hàng khác	2.523.746.859	1.875.471.495
Cộng	<u>27.273.255.412</u>	<u>24.749.068.496</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	6.487.779.295	15.765.431.053
Công ty TNHH Xây dựng và Môi trường Bảo Minh	2.323.000.000	-
Agri Commodities	880.143.385	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Việt Phát	-	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Việt Phúc	-	3.792.629.007
Quang Thiện Imex S.A	-	2.842.191.000
Các khách hàng khác	3.284.635.910	4.130.611.046
Cộng	6.487.779.295	15.765.431.053

4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	415.358.890	-	584.469.764	-
Tạm ứng	358.378.624	-	444.570.126	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	11.500.000	-	11.500.000	-
Phải thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	44.039.888	-	59.011.345	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.440.378	-	69.388.293	-
Cộng	415.358.890	-	584.469.764	-

4b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	37.878.252.730	-	49.851.799.638	-
Công cụ, dụng cụ	1.372.779.800	-	1.156.522.240	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.224.254.784	-	15.354.203.660	-
Thành phẩm	73.682.925.830	(1.008.958.757)	50.630.511.224	-
Hàng hóa	1.963.553.651	-	1.971.735.901	-
Hàng hóa gửi bán	8.067.131.064	-	9.190.529.993	-
Cộng	130.188.897.859	(1.008.958.757)	128.155.302.656	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này					
	Năm nay	Năm trước				
Số đầu năm	-	-				
Trích lập dự phòng bổ sung	1.008.958.757	-				
Số cuối kỳ	1.008.958.757	-				
6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn						
6a. Chi phí trả trước ngắn hạn						
	Số cuối kỳ	Số đầu năm				
Chi phí thuê văn phòng	15.000.000	-				
Chi phí bảo hiểm	42.281.796	6.513.726				
Công cụ dụng cụ	30.850.002	33.325.456				
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	24.600.000	4.000.000				
Cộng	112.731.798	43.839.182				
6b. Chi phí trả trước dài hạn						
	Số cuối kỳ	Số đầu năm				
Công cụ dụng cụ	187.983.097	352.477.538				
Chi phí thiết kế nhân Sangria	382.718.700	407.069.040				
Tiền thuê đất	285.051.302	304.038.033				
Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị	125.271.466	250.814.419				
Nội thất văn phòng	-	39.735.381				
Chi phí vận chuyển, di dời	-	19.687.500				
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, văn phòng	-	10.032.955				
Các chi phí trả trước dài hạn khác	162.344.823	155.527.750				
Cộng	1.143.369.388	1.539.382.616				
7. Tài sản cố định hữu hình						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	35.321.909.909	56.005.057.199	4.852.517.182	780.494.000	1.252.309.738	98.212.288.028
Mua trong kỳ	83.405.020	2.043.705.216	-	-	-	2.127.110.236
Thanh lý, nhượng bán	(1.930.927.028)	-	-	-	-	(1.930.927.028)
Số cuối kỳ	33.474.387.901	58.048.762.415	4.852.517.182	780.494.000	1.252.309.738	98.408.471.236
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	12.732.232.628	19.708.837.273	2.931.773.909	148.281.000	-	35.521.124.810
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu kỳ	19.072.108.096	34.580.134.224	3.812.166.615	275.002.069	176.411.207	57.915.822.211
Khấu hao trong kỳ	1.170.622.405	1.902.517.412	131.083.643	49.621.363	62.615.487	3.316.460.310
Thanh lý, nhượng bán	(1.930.927.028)	-	-	-	-	(1.930.927.028)
Số cuối kỳ	18.311.803.473	36.482.651.636	3.943.250.258	324.623.432	239.026.694	59.301.355.493

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	16.249.801.813	21.424.922.975	1.040.350.567	505.491.931	1.075.898.531	40.296.465.817
Số cuối kỳ	<u>15.162.584.428</u>	<u>21.566.110.779</u>	<u>909.266.924</u>	<u>455.870.568</u>	<u>1.013.283.044</u>	<u>39.107.115.743</u>

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng và Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng bao gồm văn phòng, nhà xưởng, vật kiến trúc, dây chuyền, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và tài sản dùng để sản xuất kinh doanh theo danh mục tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 là 29.975.220.445 VND đã được thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Lâm Đồng (xem thuyết minh số V.16a).

8. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	281.137.500	168.682.500	112.455.000
Khấu hao trong kỳ		14.056.875	
Số cuối kỳ	<u>281.137.500</u>	<u>182.739.375</u>	<u>98.398.125</u>

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	123.587.065	123.587.065
Xây dựng cơ bản dở dang	14.409.351.796	2.410.302.545	16.819.654.341
- Dự án trồng nho tại Ninh Thuận	14.259.398.841	1.659.747.062	15.919.145.903
- Các công trình khác	149.952.955	750.555.483	900.508.438
Cộng	<u>14.409.351.796</u>	<u>2.533.889.610</u>	<u>16.943.241.406</u>

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác	10.438.077.900	4.420.636.215
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Minh Đức Thập Châm	2.378.319.500	454.597.000
Ông Trương Văn Xin	2.006.111.500	485.090.000
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Việt Phúc	-	702.182.810
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công chi nhánh Miền Trung	1.798.499.238	-
Các nhà cung cấp khác	4.255.147.662	2.778.766.405
Cộng	<u>10.438.077.900</u>	<u>4.420.636.215</u>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>4.810.826.067</i>	<i>595.676.053</i>
Công ty TNHH W.E.I Việt Nam	4.663.081.216	-
Doanh nghiệp tư nhân Hasa	-	513.480.838
Các khách hàng khác	147.744.851	82.195.215
Cộng	4.810.826.067	595.676.053

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	835.852.827	-	269.920.774	(1.356.747.420)	106.590.352	357.564.171
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.080.615.625	-	8.763.945.694	(10.429.948.200)	1.414.613.119	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	2.877.866.012	(2.877.866.012)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.459.019.818	-	1.475.625.380	(2.087.557.129)	889.718.906	42.630.837
Thuế thu nhập cá nhân	148.306.640	77.968.059	188.196.323	(241.295.046)	60.302.831	43.062.973
Thuế tài nguyên	-	-	-	(2.232.000)	-	2.232.000
Tiền thuê đất ⁽¹⁾	138.808.500	-	49.458.310	(282.886.810)	-	94.620.000
Cộng	5.662.603.410	77.968.059	13.625.012.493	(17.278.532.617)	2.471.225.208	540.109.981

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu 0 %
- Hạt điều, rượu, Dịch vụ tư vấn bán hàng 10 %

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Tập đoàn phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh rượu dưới 20 độ với thuế suất 35%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Đối với hoạt động trồng nho tại Ninh Thuận: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2565 ngày 26 tháng 10 năm 2016 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp, Công ty TNHH Ladora Farm Ninh Thuận nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động trồng và cung cấp nguyên liệu nho rượu với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Dự án trồng nho chưa đi vào hoạt động, chưa có thu nhập từ dự án nên chưa hưởng ưu đãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích (m²)</u>
- Số 31, 32 Ngô Văn Sở, Phường 9	8.593,00
- Lô 2, 4, 6 điểm Công nghiệp Phát Chi – Xuân Trường	19.258,90
- Xã Trạm Hành	30.220,80
- Quốc lộ 20 Thị trấn Madaguôi - Đoạn từ cống trạm biến thế đến km 84 - Đất sản xuất kinh doanh	18.096,00
- Thôn Lương Cang 2, xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận ⁽ⁱⁱ⁾	169.856

(ii) Công ty TNHH Ladora Farm Ninh Thuận được miễn tiền thuê đất tại thôn Lương Cang 2, xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận từ tháng 11/2017 đến tháng 12 năm 2021 với tổng số tiền thuê được miễn là 70.773.333 VND theo quyết định số 19/QĐ-CT ngày 05/01/2018 của Cục thuế tỉnh Ninh Thuận.

(i) Tiền thuê đất phải nộp trong kỳ bao gồm:

	<u>Số tiền</u>
Tiền thuê đất phải nộp kỳ này	144.078.310
Điều chỉnh tiền thuê đất phải nộp của năm 2017 theo thông báo của Cơ quan thuế	(94.620.000)
Số còn phải nộp	<u>49.458.310</u>

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả người lao động

Quỹ tiền lương còn phải trả người lao động.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

Các chi phí phải trả ngắn hạn khác

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	<u>15.389.484.600</u>	<u>608.935.662</u>
Kinh phí công đoàn	273.225.284	200.886.991
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.259.062	5.268.165
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	14.660.831.630	7.020.690
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	453.168.624	395.759.816
Cộng	<u>15.389.484.600</u>	<u>608.935.662</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay ngắn hạn/dài hạn

16a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay các tổ chức và cá nhân khác</i>	26.552.668.382	56.776.925.663
Vay ngắn hạn ngân hàng	26.257.668.382	56.381.925.663
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng ⁽ⁱ⁾</i>	26.257.668.382	56.381.925.663
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)	295.000.000	395.000.000
Cộng	26.552.668.382	56.776.925.663

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Khoản vay theo các hợp đồng sau:

- Khoản vay giữa Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Lâm Đồng theo hợp đồng cấp tín dụng số 0034/TDN/18LD ngày 28 tháng 5 năm 2018 kèm hợp đồng cho vay hạn mức số 0034A/TDN/18LD ngày 28 tháng 5 năm 2018 và hợp đồng phát hành thư tín dụng theo hạn mức ngày 28 tháng 5 năm 2018. Hạn mức vay là 30 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất tiền vay trong kỳ là 6,5%/năm.

Hợp đồng vay này được đảm bảo thanh toán bằng thế chấp toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng, bao gồm văn phòng, nhà xưởng, vật kiến trúc, dây chuyền, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và tài sản dùng để sản xuất kinh doanh (được xác định theo giá trị và danh mục tài sản tại sổ sách báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 có giá trị là 29.941.940.882 VND, tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 là 26.484.666.102 VND - xem thuyết minh số V.7); và các quyền, tiền thu được khác ... được mô tả chi tiết tại Hợp đồng thế chấp số 0034/TDN/18C ngày 28 tháng 5 năm 2018.

- Khoản vay giữa Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng theo hợp đồng cấp tín dụng số 035B/TDN/18LC năm 2018 và hợp đồng cho vay hạn mức số 035A/TND/18LD năm 2018, mục đích vay để bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hạt điều và các hoạt động kinh doanh khác; và phát hành thư tín dụng, hạn mức vay 150 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng. Lãi suất tiền vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ.

Hợp đồng vay được đảm bảo thanh toán bằng thế chấp toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng bao gồm văn phòng, nhà xưởng, vật kiến trúc, dây chuyền, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và tài sản dùng để sản xuất kinh doanh (được xác định theo giá trị và danh mục tài sản tại sổ sách báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 là 3.490.554.343 VND - xem thuyết minh số V.7); và các quyền, tiền thu được khác ... được mô tả chi tiết tại Hợp đồng thế chấp số 035/TDN/18TC năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay trong kỳ	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số trả nợ vay trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn	56.381.925.663	94.517.491.936	-	(124.641.749.217)	26.257.668.382
Vay dài hạn đến hạn trả	395.000.000	-	195.000.000	(295.000.000)	295.000.000
Cộng	56.776.925.663	94.517.491.936	195.000.000	(124.936.749.217)	26.552.668.382

16b. Vay dài hạn

Khoản vay dài hạn Trung Tâm Khuyến Công tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng hỗ trợ và thu hồi kinh phí khuyến công. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và không có lãi suất.

Tập đoàn có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống (xem thuyết minh số V.17a)	295.000.000	395.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	570.000.000	765.000.000
Cộng	865.000.000	1.160.000.000

16c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	184.972.767	-	184.972.767
Quỹ phúc lợi	161.611.201	(1.500.000)	160.111.201
Cộng	346.583.968	(1.500.000)	345.083.968

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	146.571.500.000	9.933.986.561	22.886.488.749	179.391.975.310
Cổ tức năm 2016 phải trả	-	-	(14.657.150.000)	(14.657.150.000)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	8.840.178.299	8.840.178.299
Số dư cuối kỳ trước	146.571.500.000	9.933.986.561	17.069.517.048	173.575.003.609
Số dư đầu năm nay	146.571.500.000	9.933.986.561	31.776.846.758	188.282.333.319
Cổ tức năm 2017 phải trả	-	-	(14.657.150.000)	(14.657.150.000)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	3.169.509.428	3.169.509.428
Số dư cuối kỳ này	146.571.500.000	9.933.986.561	20.289.206.186	176.794.692.747

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Elmich	74.752.820.000	74.752.820.000
Công ty Cổ phần GTNFoods	51.300.960.000	51.300.960.000
Các cổ đông khác	20.517.720.000	20.517.720.000
Cộng	<u>146.571.500.000</u>	<u>146.571.500.000</u>

Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký là 146.571.500.000 VND.

18c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.657.150	14.657.150
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	14.657.150	14.657.150
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.657.150	14.657.150

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 28 tháng 4 năm 2018 của Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2017 với mức 1.000 đồng/cổ phiếu. Tổng số cổ tức sẽ trả ước tính khoảng 14.657.150.000 VND.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, ngoại tệ các loại chỉ có tiền ngoại tệ là 438.524,34 USD (số đầu năm là 648.483,77 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	14.670.943.000	60.388.231.100
Doanh thu bán thành phẩm	222.059.194.185	302.356.942.584
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.235.660.446	3.206.481.854
Cộng	<u>240.965.797.631</u>	<u>365.951.655.538</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	14.526.650.185	56.121.094.499
Giá vốn của thành phẩm đã bán	215.776.299.718	284.874.454.740
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.013.317.461	2.171.347.481
Cộng	231.316.267.364	343.166.896.720

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	68.128.064	47.678.162
Lãi bán ngoại tệ	-	38.249.010
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	331.645.686	602.999.341
Lãi phạt khách hàng vi phạm	-	176.356.169
Cộng	399.773.750	865.282.682

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	504.070.677	1.352.667.063
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	401.658.333	467.905.817
Chi phí tài chính khác	808.949	597.539
Cộng	906.537.959	1.821.170.419

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	59.384.820	95.446.790
Chi phí vật liệu, bao bì	1.117.194.837	1.315.166.599
Chi phí khấu hao tài sản cố định	201.839.208	217.048.212
Chi phí vận chuyển, nâng hạ container	309.805.655	335.764.688
Chi phí mua ngoài	267.627.123	373.538.388
Chi phí khuyến mại	193.485.990	513.849.011
Các chi phí khác	469.186.976	387.363.721
Cộng	2.618.524.609	3.238.177.409

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.604.047.205	3.402.882.522
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	60.498.230	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.800.000	68.300.000
Thuế, phí và lệ phí	44.396.955	327.972.344
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	19.800.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hoàn nhập dự phòng quỹ tiền lương	(3.142.819.150)	(1.679.743.486)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	375.929.386	632.602.931
Các chi phí khác	877.484.090	1.240.891.549
Cộng	907.136.716	3.992.905.860

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.012.190.476	141.818.182
Thu tiền cho thuê nhà, cho thuê kho	188.181.816	-
Thu tiền bán phế liệu	-	30.528.000
Tiền bồi thường	68.532.636	49.622.833
Thu nhập khác	10.325.594	50.007.374
Cộng	2.279.230.522	271.976.389

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản phạt vi phạm, truy thu thuế	112.907.517	162.786.807
Chi phí khác	8.117.355	89.352.139
Cộng	121.024.872	252.138.946

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.169.509.428	8.840.178.299
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.169.509.428	8.840.178.299
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	14.657.150	14.657.150
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	216	603

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	212.238.180.118	295.504.963.937
Chi phí nhân công	11.273.213.175	11.731.294.122
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.895.660.197	2.961.975.164
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.948.252.249	3.288.295.619
Chi phí khác	4.841.243.262	3.708.850.694
Cộng	233.196.549.001	317.195.379.536

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương và phụ cấp với tổng thu nhập trong kỳ là 383.500.500 VND.

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Elmich	Cổ đông sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần GTNFoods	Cổ đông sở hữu 35% vốn điều lệ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Tập đoàn không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác.

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Trồng nho nguyên liệu và sản xuất, mua bán rượu
- Lĩnh vực 2: Sản xuất, kinh doanh điều

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Lĩnh vực trồng nho nguyên liệu và sản xuất, mua bán rượu</u>	<u>Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điều</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	27.237.149.015	210.598.473.041	237.835.622.056
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.237.149.015	210.598.473.041	237.835.622.056
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.925.922.700	(2.932.229.333)	2.993.693.367
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			2.993.693.367
Doanh thu hoạt động tài chính			399.773.750
Chi phí tài chính			(906.537.959)
Thu nhập khác			2.279.230.522
Chi phí khác			(121.024.872)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.475.625.380)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			3.169.509.428
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.351.064.875	3.147.509.839	5.498.574.714
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.075.143.444	822.697.766	3.897.841.210
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	25.944.748.369	336.791.482.456	362.021.116.786
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.944.748.369	336.791.482.456	362.021.116.786
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.622.087.956	8.216.162.880	10.838.250.836
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			10.838.250.836
Doanh thu hoạt động tài chính			865.282.682
Chi phí tài chính			(1.821.170.419)
Thu nhập khác			271.976.389
Chi phí khác			(252.138.946)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.846.908.204)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			8.840.178.299
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3.003.146.362	1.630.552.810	4.633.699.172
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.580.909.931	1.397.257.400	4.978.167.331

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực trồng nho nguyên liệu và sản xuất, mua bán rượu	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điều	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	247.003.274.418	82.477.667.938	238.136.230.863
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			-
Tổng tài sản			238.136.230.863
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	245.003.274.418	82.477.667.938	239.253.101.025
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			-
Tổng nợ phải trả			239.253.101.025
Số đầu năm	55.836.500.289	67.062.859.836	62.458.408.278
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			62.458.408.278
Tổng tài sản			
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	232.345.808.879	116.287.653.441	263.314.166.471
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			-
Tổng nợ phải trả			263.314.166.471

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Tập đoàn có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty TNHH MTV Ladofoods, Red River Foods Inc với số dư nợ tại ngày kết thúc kỳ kế toán chiếm lần lượt 47% và 24% tổng số dư nợ phải thu (số đầu năm chiếm lần lượt 44% và 0%). Các khách hàng khác có số dư dưới 12% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Tập đoàn đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Phải trả người bán	10.438.077.900	-	10.438.077.900
Vay và nợ	26.552.668.382	570.000.000	27.122.668.382
Các khoản phải trả khác	15.116.226.691	-	15.116.226.691
Cộng	52.106.972.973	570.000.000	52.676.972.973
Số đầu năm			
Phải trả người bán	4.420.636.215	-	4.420.636.215
Vay và nợ	56.776.925.663	765.000.000	57.541.925.663
Các khoản phải trả khác	414.020.915	-	414.020.915
Cộng	61.611.582.793	765.000.000	62.376.582.793

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 và ngày 31 tháng 3 năm 2018 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối kỳ (USD)</u>	<u>Số đầu năm (USD)</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	438.524,34	648.483,77
Phải thu khách hàng	289.900,00	289.900,00
Vay và nợ	<u>(986.376,86)</u>	<u>(2.480.472,05)</u>
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	<u>(257.952,52)</u>	<u>(1.542.088,28)</u>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

3d. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 3 năm 2018.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3d. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 3 năm 2018.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.043.455.593	-	36.137.005.714	-
Phải thu khách hàng	27.273.255.412	-	24.749.068.496	-
Các khoản phải thu khác	29.440.378	-	263.938.293	-
Cộng	43.346.151.383	-	61.150.012.503	-

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	10.438.077.900	4.420.636.215
Vay và nợ	27.122.668.382	57.541.925.663
Các khoản phải trả khác	15.116.226.691	414.020.915
Cộng	52.676.972.973	62.376.582.793

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lâm Đồng, ngày 19 tháng 11 năm 2018



Phan Anh Tú
Người lập biểu



Phan Anh Tú
Kế toán trưởng



Đỗ Thành Trung
Tổng Giám đốc